

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 42

11802
NG TY
IEM HUU
& YOI
NAM
HOC

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 7 tháng 10 năm 2011. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp cho công ty cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng Ban
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Văn Cường, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Dương Văn Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 13682981/68434638-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") và công ty con, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

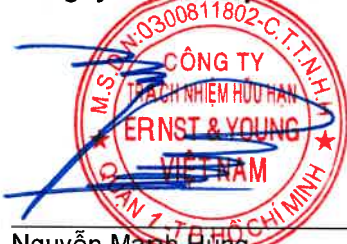
Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 29, Công ty có một dự án điện mặt trời đang được Tập đoàn Điện lực Việt Nam rà soát lại các điều kiện hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích. Theo đó giá bán điện mà Công ty đang được áp dụng tại dự án này có thể bị ảnh hưởng. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1

Nguyễn Quý Mạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4482-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.457.645.874.852	2.077.658.879.921
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	604.583.867.007	536.186.291.363
111	1. Tiền		9.934.550.077	7.336.359.863
112	2. Các khoản tương đương tiền		594.649.316.930	528.849.931.500
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		930.200.000.000	70.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	930.200.000.000	70.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		908.079.273.402	1.428.124.971.078
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	871.600.090.421	1.180.980.900.187
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		5.569.016.294	4.562.967.122
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	27	-	200.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	33.247.789.720	44.601.317.464
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(2.337.623.033)	(2.020.213.695)
140	IV. Hàng tồn kho	9	14.410.440.031	37.491.425.648
141	1. Hàng tồn kho		14.410.440.031	37.491.425.648
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		372.294.412	5.856.191.832
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		372.294.412	606.363.869
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	5.249.827.963

1802-
IG TY
IEM HUU
& YOI
T NAM
P HOC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.020.114.791.568	5.941.470.949.131
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	599.932.824.894
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	27	-	599.932.824.894
220	II. Tài sản cố định		4.653.179.202.713	4.933.484.262.836
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.652.918.029.551	4.932.820.455.298
222	Nguyên giá		15.488.065.013.130	15.381.420.021.833
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.835.146.983.579)	(10.448.599.566.535)
227	2. Tài sản cố định vô hình		261.173.162	663.807.538
228	Nguyên giá		2.335.628.057	2.335.628.057
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.074.454.895)	(1.671.820.519)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		12.032.167.083	100.596.498.555
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	12.032.167.083	100.596.498.555
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	250.975.979.980	211.131.850.077
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		143.615.979.980	143.771.850.077
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.360.000.000	37.360.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		70.000.000.000	30.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		103.927.441.792	96.325.512.769
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	30.060.428.550	39.369.645.676
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	9	73.867.013.242	56.955.867.093
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.477.760.666.420	8.019.129.829.052

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.212.493.304.552	2.735.990.711.823
310	I. Nợ ngắn hạn		935.126.828.876	1.328.584.847.404
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	72.932.339.765	146.095.934.134
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		574.703.982	240.636.582
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	176.851.612.970	135.586.722.201
314	4. Phải trả người lao động		26.256.092.216	37.294.280.150
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	11.223.292.743	13.281.341.092
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	508.665.171.333	845.540.888.494
320	7. Vay ngắn hạn	18	115.493.643.244	130.389.844.451
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	23.129.972.623	20.155.200.300
330	II. Nợ dài hạn		1.277.366.475.676	1.407.405.864.419
338	1. Vay dài hạn	18	1.277.366.475.676	1.407.405.864.419
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.265.267.361.868	5.283.139.117.229
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	5.265.267.361.868	5.283.139.117.229
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		501.180.626.722	500.620.626.722
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		483.560.619.194	500.485.070.048
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		87.681.439.639	51.400.268.411
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		395.879.179.555	449.084.801.637
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		56.526.115.952	58.033.420.459
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.477.760.666.420	8.019.129.829.052

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Lê Đặng Hoàng Phương
Người lập biểu

Lê Xuân Phong
Phó trưởng phòng Tài chính
và Kế toán

Dặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.080.599.352.666	2.372.957.441.096
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.080.599.352.666	2.372.957.441.096
11	4. Giá vốn hàng bán dịch vụ cung cấp	22	(993.655.561.349)	(1.004.463.840.352)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.086.943.791.317	1.368.493.600.744
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	111.263.671.117	150.027.528.927
22	7. Chi phí tài chính	23	(46.099.610.183)	(60.473.976.086)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(45.823.836.942)	(58.729.852.906)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	12	29.843.029.903	20.383.134.950
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(78.383.273.196)	(89.156.961.632)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.103.567.608.958	1.389.273.326.903
31	11. Thu nhập khác		1.625.182.877	75.303.511
32	12. Chi phí khác		(338.514.701)	(72.831.006)
40	13. Lợi nhuận khác		1.286.668.176	2.472.505
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.104.854.277.134	1.389.275.799.408
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(198.580.691.249)	(260.077.513.434)

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

B02-DN/HN


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		906.273.585.885	1.129.198.285.974
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		902.759.179.555	1.123.173.498.184
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		3.514.406.330	6.024.787.790
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	2.137	2.533
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Lê Đặng Hoàng Phương
Người lập biểu


Lê Xuân Phong
Phó Trưởng phòng Tài chính
và Kế toán


Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.104.854.277.134	1.389.275.799.408
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		386.950.051.420	377.150.438.511
03	Các khoản dự phòng		317.409.338	93.295.585
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(25.993.614.572)	(24.661.703.217)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(110.050.325.526)	(133.226.493.159)
06	Chi phí lãi vay	24	45.823.836.942	58.729.852.906
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.401.901.634.736	1.667.361.190.034
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		344.858.627.212	(661.224.774.417)
10	Giảm hàng tồn kho		6.169.839.468	2.604.095.302
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		7.386.522.601	(68.951.483.588)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		9.543.286.583	(10.960.659.551)
14	Tiền lãi vay đã trả		(48.456.435.291)	(59.333.213.769)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(171.051.772.541)	(242.444.687.961)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(50.450.568.922)	(48.819.069.037)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.499.901.133.846	578.231.397.013
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(94.180.092.431)	(26.891.035.150)
23	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác		(970.200.000.000)	(100.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		869.932.824.894	402.980.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức lợi nhuận được chia		90.325.684.713	135.509.044.545
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(104.121.582.824)	411.598.009.395

WORLD
TRA
ER
WORLD


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm nay
34	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền trả nợ gốc vay		(118.947.483.835)	(221.295.679.292)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(1.208.440.000.000)	(1.440.960.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.327.387.483.835)	(1.662.255.679.292)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		68.392.067.187	(672.426.272.884)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		536.186.291.363	1.208.606.920.989
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.508.457	5.643.258
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	604.583.867.007	536.186.291.363

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Lê Đặng Hoàng Phương
Người lập biểu


Lê Xuân Phong
Phó Trưởng phòng Tài chính và Kế toán


Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 7 tháng 10 năm 2011. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp cho công ty cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 240 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 246 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1 công ty con), trong đó:

<i>STT</i>	<i>Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	70%	70%	Thôn Lâm Hòa, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh điện năng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và công ty con là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và công ty con là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	8 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hoặc phân bổ tối đa không quá 3 năm.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên đối chiếu và xác nhận sản lượng đầu ra hàng tháng giữa bên mua và bên bán, với giá được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và công ty con được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty và công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	755.375.069	238.629.332
Tiền gửi ngân hàng	9.179.175.008	7.097.730.531
Các khoản tương đương tiền (*)	594.649.316.930	528.849.931.500
TỔNG CỘNG	604.583.867.007	536.186.291.363

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tuần đến 1 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,2%/năm đến 2,1%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: kỳ hạn từ 1 tuần đến 2 tháng với lãi suất từ 0,2%/năm – 3,7%/năm). Khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bảo Lộc với số tiền 70.000.000.000 đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,9%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,7%/năm). Khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bảo Lộc với số tiền 200.000.000.000 VND đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	868.789.206.454	1.177.431.579.895
Phải thu từ khách hàng khác	2.810.883.967	3.549.320.292
TỔNG CỘNG	871.600.090.421	1.180.980.900.187
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.337.623.033)	(2.020.213.695)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi, cho vay	21.271.964.822	37.916.738.857
Cổ tức được chia	11.929.534.500	5.403.149.555
Khác	46.290.398	1.281.429.052
TỔNG CỘNG	33.247.789.720	44.601.317.464
Trong đó:		
Phải thu khách hàng khác	21.318.255.220	1.977.734.806
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	11.929.534.500	42.623.582.658

8. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Hời Xuân VNECO	1.543.893.615	240.636.582	1.543.893.615	240.636.582
Công ty Cổ phần Đầu tư HDP Tân Lộc	662.843.322	262.843.322	862.843.322	471.421.660
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Damb'ri	465.050.000	-	465.050.000	139.515.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Liên	338.632.000	169.316.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO	-	-	440.943.600	440.943.600
TỔNG CỘNG	3.010.418.937	672.795.904	3.312.730.537	1.292.516.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ	13.911.572.569	-	37.148.762.358	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	498.867.462	-	342.663.290	-
TỔNG CỘNG	14.410.440.031	-	37.491.425.648	-
Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	73.867.013.242	-	56.955.867.093	-
TỔNG CỘNG	73.867.013.242	-	56.955.867.093	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	9.318.754.232.537	5.925.316.334.686	79.348.569.020	57.783.505.083	217.380.507	15.381.420.021.833
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.462.256.776	102.313.205.918	2.549.574.074	319.954.529	-	106.644.991.297
Số cuối năm	9.320.216.489.313	6.027.629.540.604	81.898.143.094	58.103.459.612	217.380.507	15.488.065.013.130
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	1.396.933.426.336	2.373.856.749.292	48.530.758.555	50.230.050.464	217.380.507	3.869.768.365.154
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	5.517.832.200.871	4.816.582.669.083	61.945.070.199	52.022.245.875	217.380.507	10.448.599.566.535
- Khấu hao trong năm	205.575.468.814	174.989.184.311	3.825.986.976	2.156.776.943	-	386.547.417.044
Số cuối năm	5.723.407.669.685	4.991.571.853.394	65.771.057.175	54.179.022.818	217.380.507	10.835.146.983.579
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	3.800.922.031.666	1.108.733.665.603	17.403.498.821	5.761.259.208	-	4.932.820.455.298
Số cuối năm	3.596.808.819.628	1.036.057.687.210	16.127.085.919	3.924.436.794	-	4.652.918.029.551

Một số tài sản cố định hữu hình đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	8.812.074.273	99.943.996.273
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.818.281.437	250.390.909
Các công trình khác	401.811.373	402.111.373
TỔNG CỘNG	12.032.167.083	100.596.498.555

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.1)	143.615.979.980	-	143.771.850.077	-
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.2)	37.360.000.000	-	37.360.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 12.3)	70.000.000.000	-	30.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	250.975.979.980	-	211.131.850.077	-

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một công ty liên kết, như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng	20%	20%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này trong năm hiện tại như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Phong điện
Thuận Bình

Giá trị đầu tư:

Số đầu năm	100.079.200.000
Số cuối năm	100.079.200.000

Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu năm	43.692.650.077
- Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	29.843.029.903
- Cổ tức được chia trong năm	(29.998.900.000)
Số cuối năm	43.536.779.980

Giá trị còn lại

Số đầu năm	143.771.850.077
Số cuối năm	143.615.979.980

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2023, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo kết luận thanh tra về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh ("Thông báo"), trong đó có nêu một số vi phạm của dự án Nhà máy Điện Gió Phú Lạc – Giai đoạn 2 ("Dự án") của Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình ("Công ty Thuận Bình"). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Thuận Bình vẫn chưa nhận được văn bản chính thức nào từ các cơ quan có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên. Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty là không trọng yếu và sẽ tiếp tục cập nhật với các bên hữu quan khi có hướng dẫn từ các cơ quan chức năng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	24.560.000.000	133.115.200.000	3,27	3,27	24.560.000.000	149.328.095.100	3,27	3,27
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	12.800.000.000	63.744.000.000	1,03	1,03	12.800.000.000	73.984.000.000	1,03	1,03
TỔNG CỘNG	37.360.000.000	196.859.200.000			37.360.000.000	223.312.095.100		

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch của cổ phiếu của các công ty này tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán trên sàn UPCOM.

12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,9%/năm).

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	372.294.412	606.363.869
TỔNG CỘNG	372.294.412	606.363.869
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	18.966.113.400	30.162.646.165
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.628.247.937	6.042.849.829
Khác	7.466.067.213	3.164.149.682
TỔNG CỘNG	30.060.428.550	39.369.645.676

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà cung cấp	65.931.587.445	65.931.587.445	140.289.118.056	140.289.118.056
- Công ty Cổ phần Xây dựng 47	15.792.020.817	15.792.020.817	15.904.458.596	15.904.458.596
- Nippon Koei Ltd	10.792.730.043	10.792.730.043	11.472.821.122	11.472.821.122
- Công ty TNHH Nippon Koei Việt Nam International	9.847.518.480	9.847.518.480	9.847.518.480	9.847.518.480
- Khác	29.499.318.105	29.499.318.105	103.064.319.858	103.064.319.858
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	7.000.752.320	7.000.752.320	5.806.816.078	5.806.816.078
TỔNG CỘNG	72.932.339.765	72.932.339.765	146.095.934.134	146.095.934.134

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	924.278.523	166.561.773.012	(158.099.490.189)	9.386.561.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.076.685.896	198.580.691.249	(171.051.772.541)	111.605.604.604
Thuế thu nhập cá nhân	1.009.235.975	18.129.813.097	(15.755.599.406)	3.383.449.666
Thuế tài nguyên	21.459.066.723	276.658.421.329	(273.934.189.390)	24.183.298.662
Phí dịch vụ môi trường rừng	28.117.455.084	98.924.663.604	(98.749.419.996)	28.292.698.692
TỔNG CỘNG	135.586.722.201	758.855.362.291	(717.590.471.522)	176.851.612.970

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	10.648.742.743	13.281.341.092
Khác	574.550.000	-
TỔNG CỘNG	11.223.292.743	13.281.341.092

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	507.080.000.000	844.800.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	1.585.171.333	740.888.494
TỔNG CỘNG	508.665.171.333	845.540.888.494
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác	1.244.229.729	852.284.977
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	507.420.941.604	844.688.603.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm			Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị		
Vay ngắn hạn								
Vay dài hạn đến hạn trả								
(Thuyết minh số 18.1)	130.389.844.451	130.389.844.451	105.017.223.773	(118.947.483.835)	(965.941.145)	115.493.643.244	115.493.643.244	
TỔNG CỘNG	130.389.844.451	130.389.844.451	105.017.223.773	(118.947.483.835)	(965.941.145)	115.493.643.244	115.493.643.244	
Vay dài hạn								
Vay dài hạn	1.407.405.864.419	1.407.405.864.419	-	(105.017.223.773)	(25.022.164.970)	1.277.366.475.676	1.277.366.475.676	
(Thuyết minh số 18.1)	1.407.405.864.419	1.407.405.864.419	-	(105.017.223.773)	(25.022.164.970)	1.277.366.475.676	1.277.366.475.676	
TỔNG CỘNG	1.537.795.708.870	1.537.795.708.870	105.017.223.773	(223.964.707.608)	(25.988.106.115)	1.392.860.118.920	1.392.860.118.920	

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay dài hạn

Đối tượng	Số cuối năm		Lãi suất/năm		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ				
Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	722.601.561.428	4.302.736.462 JPY	1,11%	- 1,6%	Đáo hạn vào ngày 20 tháng 1 năm 2039. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản hiện hữu của Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 160MW và Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 80 MW của Công ty.
Ngân hàng Phát triển Châu Á	481.134.457.328	18.830.357 USD	Lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng cộng biên độ từ 2,5%. Lãi suất áp dụng trong năm là 2,5% - 5,4%		Đáo hạn vào ngày 15 tháng 9 năm 2034. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Khoản vay được bảo lãnh trả nợ vay bởi Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty mẹ của Công ty. Các khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam như trình bày ở Thuyết minh số 4 và số 5. Tài sản cố định là các tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi.
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ("Ngân hàng NN&PTNT")	189.124.100.164	189.124.100.164 VND	Lãi suất được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ 2,5%/năm. Lãi suất áp dụng trong năm là 6,7%.		Đáo hạn vào ngày 23 tháng 4 năm 2034. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Tài sản hình thành từ vốn vay của Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2.

TỔNG CỘNG

1.392.860.118.920

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả 115.493.643.244
- Vay dài hạn 1.277.366.475.676



Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

				Đơn vị tính: VND	
				Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<i>Năm trước</i>					
Số đầu năm (phân loại lại)	4.224.000.000.000	519.620.626.722	1.692.019.990.664	57.237.423.869	6.492.878.041.255
- Lợi nhuận trong năm	-	-	1.123.173.498.184	6.024.787.790	1.129.198.285.974
- Cổ tức đã công bố	-	-	(2.280.960.000.000)	(4.800.000.000)	(2.285.760.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(52.748.418.800)	(428.791.200)	(53.177.210.000)
- Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	(19.000.000.000)	19.000.000.000	-	-
Số cuối năm	4.224.000.000.000	500.620.626.722	500.485.070.048	58.033.420.459	5.283.139.117.229
<i>Năm nay</i>					
Số đầu năm (phân loại lại)	4.224.000.000.000	500.620.626.722	500.485.070.048	58.033.420.459	5.283.139.117.229
- Lợi nhuận trong năm	-	-	902.759.179.555	3.514.406.330	906.273.585.885
- Cổ tức đã công bố (i) & (ii)	-	-	(865.920.000.000)	(4.800.000.000)	(870.720.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(53.203.630.409)	(221.710.837)	(53.425.341.246)
- Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	560.000.000	(560.000.000)	-	-
Số cuối năm	4.224.000.000.000	501.180.626.722	483.560.619.194	56.526.115.952	5.265.267.361.868

(i) Theo các Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Công ty và công ty con đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền và trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023.

(ii) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 177/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 11 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2024 với tỷ lệ 12% mệnh giá cổ phần (1.200 VND/cổ phần).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty phát điện	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-
1 Các cổ đông khác	2.969.000.000	2.969.000.000	-	2.969.000.000	2.969.000.000	-
TỔNG CỘNG	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000	-	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000	-

19.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	865.920.000.000	2.280.960.000.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2024:		
1.200 VND/cổ phiếu	506.880.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 850 VND/cổ phiếu	359.040.000.000	-
Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2023:		
2.000 VND/cổ phiếu	-	844.800.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2022: 3.400 VND/cổ phiếu	-	1.436.160.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	1.203.840.000.000	1.436.160.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 2.850 VND/cổ phiếu	1.203.840.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2022: 3.400 VND/cổ phiếu	-	1.436.160.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	84.480.000.000	168.960.000.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	84.480.000.000	168.960.000.000

19.4 Cổ phiếu

Số lượng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu đang lưu hành	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000

Mệnh giá cổ phiếu lưu hành trong năm là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	20.155.200.300	15.797.059.337
Trích lập thêm trong năm	53.425.341.245	53.177.210.000
Sử dụng trong năm	(50.450.568.922)	(48.819.069.037)
Số cuối năm	23.129.972.623	20.155.200.300

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu phát điện và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.080.599.352.666	2.372.957.441.096
Trong đó:		
Doanh thu phát điện	2.078.244.088.468	2.369.805.790.864
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.355.264.198	3.151.650.232
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	2.080.599.352.666	2.372.957.441.096
Trong đó:		
Doanh thu với bên khác	2.355.264.198	3.151.650.232
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	2.078.244.088.468	2.369.805.790.864

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.726.182.382	91.203.863.224
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.481.113.241	31.638.551.838
Lãi chênh lệch tỷ giá	31.056.375.494	27.185.113.865
TỔNG CỘNG	111.263.671.117	150.027.528.927

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	991.835.094.395	1.001.758.715.489
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.820.466.954	2.705.124.863
TỔNG CỘNG	993.655.561.349	1.004.463.840.352

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	45.823.836.942	58.729.852.906
Khác	275.773.241	1.744.123.180
TỔNG CỘNG	46.099.610.183	60.473.976.086

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	43.102.944.058	50.094.685.058
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.666.611.069	1.551.744.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.800.029.838	9.454.792.308
Chi phí khác	22.813.688.231	28.055.739.963
TỔNG CỘNG	78.383.273.196	89.156.961.632

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	128.776.227.752	137.169.394.964
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	386.950.051.420	377.150.438.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.992.703.374	65.774.786.170
Chi phí khác bằng tiền	501.476.056.171	513.400.702.144
TỔNG CỘNG	1.072.195.038.717	1.093.495.321.789

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% (năm 2023: 20%) cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trừ ưu đãi thuế cho hoạt động kinh doanh sản xuất điện năng tại các dự án sau:

- Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim: miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 10%.
- Dự án Điện mặt trời Đa Mi: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động, miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.
- Dự án Thủy điện Hạ Sông Pha giai đoạn 1: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu (năm 2015), miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2019). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

- Dự án Thủy điện Hạ Sông Pha giai đoạn 2: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu (năm 2019), miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.

26.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	198.580.691.249	260.077.513.434
	198.580.691.249	260.077.513.434

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.104.854.277.134	1.389.275.799.408
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	220.970.855.427	277.855.159.882
<i>Các khoản điều chỉnh (giảm)/tăng:</i>		
Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.831.224.703)	(7.933.331.313)
Cổ tức được nhận trong năm	(5.096.222.648)	(6.327.678.997)
Chi phí không được khấu trừ	505.889.154	483.527.573
Thuế TNDN nộp bổ sung của các năm trước	-	109.363.279
Lãi được chia từ công ty liên kết	(5.968.605.980)	(4.109.526.990)
Chi phí thuế TNDN	198.580.691.250	260.077.513.434

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và công ty con trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau :

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty mẹ
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Đại Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua dịch vụ	4.143.032.782	5.436.994.559
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Doanh thu về phát điện	73.791.480.827	85.837.992.591
Tổng Công ty Phát điện 1	Chi trả cổ tức	1.202.993.835.000	844.206.200.000
	Chia cổ tức	865.311.355.000	2.279.356.740.000
	Thu tiền cho vay	799.932.824.894	-
	Lãi cho vay	28.539.825.564	71.154.024.775
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu về phát điện	2.004.452.607.641	2.283.967.798.273
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cổ tức được chia	18.025.113.241	24.668.794.985
	Nhận cổ tức	22.138.728.296	19.265.645.430
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Cổ tức được chia	6.816.000.000	6.969.600.000
	Cổ tức đã nhận	6.816.000.000	6.969.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty và công ty con chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			Đơn vị tính: VND
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)			
Công ty Mua bán điện - Bán điện		857.336.249.992	1.167.567.968.808
Tập đoàn Điện lực Việt Nam			
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Bán điện	11.452.956.462	9.863.611.087
TOTAL		868.789.206.454	1.177.431.579.895
Phải thu về cho vay (Chỉ tiêu số 135 và 215)			
Tổng Công ty Phát điện 1	Phải thu cho vay ngắn hạn	-	200.000.000.000
	Phải thu cho vay dài hạn	-	599.932.824.894
TỔNG CỘNG		-	799.932.824.894
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Cổ tức được chia	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cổ tức được chia	1.289.534.500	5.403.149.555
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Cổ tức được chia	640.000.000	-
Tổng Công ty Phát điện 1	Phải thu lãi cho vay	-	37.220.433.103
TỔNG CỘNG		11.929.534.500	42.623.582.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)			
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Phải trả phí tư vấn, khảo sát	4.438.908.000	4.745.613.171
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Phải trả phí tư vấn, khảo sát	2.561.844.320	1.061.202.907
TỔNG CỘNG		7.000.752.320	5.806.816.078
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)			
Tổng Công ty Phát điện 1	Phải trả cổ tức và thu hộ chi hộ	506.972.330.802	844.208.640.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua dịch vụ	448.610.802	479.963.517
TỔNG CỘNG		507.420.941.604	844.688.603.517

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

		Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	984.812.712	1.149.029.000
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	947.482.572	1.105.560.000
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	843.700.632	983.904.500
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc	843.700.632	983.904.500
Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng ban kiểm soát	168.910.272	187.647.000
Ông Nguyễn Đăng Dung	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)	-	79.269.702
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên ban kiểm soát chuyên trách	764.195.640	899.143.000
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên ban kiểm soát	161.872.344	179.829.000
TỔNG CỘNG		4.714.674.804	5.568.286.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	902.759.179.555	1.123.173.498.184
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(53.203.630.409)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	902.759.179.555	1.069.969.867.775
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	422.400.000	422.400.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	422.400.000	422.400.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	2.137	2.533
- Lãi suy giảm	2.137	2.533

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 617/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Công ty.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được điều chỉnh phân trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

29. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Các cam thuê hoạt động

Công ty và công ty con đã ký kết một số hợp đồng thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.182.557.761	3.182.557.760
Từ 1 - 5 năm	12.730.231.043	12.730.231.043
Trên 5 năm	64.213.137.108	67.516.589.877
TỔNG CỘNG	80.125.925.912	83.429.378.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Nghĩa vụ tiềm tàng khác

Công ty đang sở hữu Dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi ("Dự án") tại xã La Ngẫu, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Dự án đã được công nhận ngày vận hành điện thương mại là ngày 4 tháng 6 năm 2019 và được chấp nhận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Theo Báo cáo số 321/BC-BCT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Công Thương về triển khai Nghị quyết của Chính phủ về chủ trương, phương hướng tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án điện năng lượng tái tạo, Dự án của Công ty đã được đề cập trong danh sách 173 nhà máy được công nhận ngày vận hành thương mại và hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích đối với các dự án điện mặt trời khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình xây dựng của chủ đầu tư. Theo Báo cáo số 345/BC-BCT ("Báo cáo") ngày 24/12/2024 gửi đến Bộ Công Thương về kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ về tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án điện năng lượng tái tạo, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang thực hiện rà soát lại các điều kiện hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích với các chủ đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa có cơ sở chắc chắn để đánh giá ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đối với báo cáo tài chính hợp nhất.

30. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Ban Tổng Giám đốc phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại. Chi tiết các điều chỉnh như sau:

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Đã được trình bày trước đây	Điều chỉnh	Phân loại lại
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
414	Vốn khác của chủ sở hữu	475.444.837.801	(475.444.837.801)	-
418	Quý đầu tư phát triển	25.175.788.921	475.444.837.801	500.620.626.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 212/NQ - HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị quyết số 03/NQ – HĐQT ngày 20 tháng 1 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt thời điểm chốt danh sách cổ đông vào ngày 10 tháng 2 năm 2025 để thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền với số tiền là 84.480.000.000 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2024. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện việc tạm ứng cổ tức bằng tiền nêu trên.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

7h
1-

Le Phong



Lê Đặng Hoàng Phương
Người lập biểu

Lê Xuân Phong
Phó Trưởng phòng Tài
chính và Kế toán

Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 EY Consulting Vietnam Joint Stock Company.
All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn